

Bản án số: 110/2024 /HNGĐ-ST  
Ngày: 27 - 9 - 2024  
V/v tranh chấp xin ly hôn,  
nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Thanh Sơn**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông: **Lê Văn Tám**.

2/ Bà: **Đặng Thị Tiềm**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Phạm Thành Lộc** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Trần Quốc Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự.

*1/ Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị N**, sinh ngày 07/12/1979; (có mặt)

HKTT: Ấp P, xã Q, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: Ấp N, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*2/Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2024 và lời khai thể hiện có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:* Do quen biết trước chị Bùi Thị N à anh Nguyễn Văn L được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào tháng 12 năm 1997 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thị xã Cai Lậy, theo giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyền số 01 ngày 30/9/2002. Sau khi cưới về chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tác tình từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên, anh L không lo làm ăn và không quan tâm lo cho vợ; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ

chồng từ tháng 12 năm 2023, chị N có nộp đơn ra Tòa án để xin ly hôn với anh L, đến đầu tháng 4/2024 do anh L có xin lỗi và rút chị N về sống chung nên chị N có trở về sống chung, nhưng khi về sống không hạnh phúc nên đến cuối tháng 6 năm 2024 vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay. Nay chị N yêu cầu xin được ly hôn với anh L vì cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống chung không hạnh phúc.

- Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Văn G, sinh ngày 04/12/1998; hiện cháu G đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên chị N không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với cháu Nguyễn Thị K, sinh ngày 23/10/2009. Nếu ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K; chị N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Theo chị N để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài nợ chung: Theo chị N không có, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Nguyễn Văn L dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Về phía đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng quy định nên không có đề nghị gì.

Về ý kiến của phía đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị N cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị K, sinh ngày 23/10/2009 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do phía chị N chưa có yêu cầu; anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị N khai về tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía bị đơn anh L thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn L. Xét thấy, bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn anh L.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị N: yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh L, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Phía anh L thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Xét thấy, trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, đã triệu tập phía anh L nhiều lần đến để hòa giải về việc chị N xin ly hôn với anh L. Nếu như về tình cảm vợ chồng, anh L muốn vợ chồng đoàn tụ lại thì anh L phải đến Tòa án để gặp chị N, để hòa giải về tình cảm vợ chồng xem có khả năng đoàn tụ hàn gắn lại được hay không nhưng phía anh L không đến, thể hiện anh L không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng đối với chị N. Ngoài ra, theo chị Linh khai giữa chị N và anh L trước đây đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng với nhau từ tháng 12 năm 2023, chị N có nộp đơn ra Tòa án để xin ly hôn với anh L, đến đầu tháng 4/2024 do anh L có xin lỗi và rước chị N về sống chung nên chị N có trở về sống chung, nhưng khi về sống không hạnh phúc nên đến cuối tháng 6 năm 2024 vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay. Cho thấy, về tình cảm vợ chồng giữa anh L và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N và cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[4] Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Văn G, sinh ngày 04/12/1998; hiện cháu G đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên chị N không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với cháu Nguyễn Thị K, sinh ngày 23/10/2009. Nếu ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K; chị N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu K có lời khai thể hiện trong hồ sơ có nguyện vọng sống chung với chị N; hơn nữa cháu K là nữ nên giao cho chị N nuôi dưỡng là đảm bảo tốt về mọi mặt cho sự phát triển của cháu K sau này; nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ giao cháu Nguyễn Thị K chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do phía chị N chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này chị N có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị N được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị N khai về tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía bị đơn anh L thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này phía anh L cho rằng vợ chồng có tài sản chung và nợ chung nhưng không thỏa thuận được với nhau và có tranh chấp thì được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị N, cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị K, sinh ngày 23/10/2009 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do phía chị N chưa có yêu cầu; anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0004994 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên chị N đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Nguyễn Văn L thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### **Nơi Nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;

(Đã ký)

- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**Phan Thanh Sơn**